

Bản án số: 292/2017/HSST

Ngày: 15/8/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TN, TỈNH THÁI NGUYÊN
Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Quý Sửu

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Ninh

2. Bà Nguyễn Thị Kim Thu

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Ma Thị Huyền Nhung, Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố TN.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Huyền, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2017 tại Tòa án nhân dân thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 257/2017 /HSST ngày 04/7/2017 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Vũ Duy N, tên gọi khác không, sinh ngày 04/09/1985; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Xóm ĐC, xã HN, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên; Dân tộc: Kinh; trình độ văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: Không; Con ông Vũ Văn H và bà Nguyễn Thị C; có vợ Phạm Thu H (đã ly hôn); có 01 con chung; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ, tạm giam tại Trại giam Công an tỉnh Thái Nguyên từ ngày 22/3/2017 (có mặt tại phiên tòa)

2. Họ và tên: Lưu Văn H, tên gọi khác không, sinh 25/3/1991; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Xóm CL, xã CL, huyện PL, tỉnh Thái Nguyên; dân tộc: Sán Dìu; văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: không; con ông Lưu Chí Ng và bà Mạc Thị M, chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân:

+ Tại bản án số 33 ngày 20/06/2011, Tòa án nhân dân huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng về tội “Trộm cắp tài sản”.

+ Tại bản án số 60 ngày 19/06/2012, Tòa án nhân dân huyện PL, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 02 năm tù về tội “Buôn bán hàng cấm”; chấp hành xong bản án ngày 22/3/2014; bị tạm giữ, tạm giam tại Trại giam Công an tỉnh Thái Nguyên từ ngày 22/3/2017. (có mặt tại phiên tòa)

3. Họ và tên: Ngô Quang Đ, tên gọi khác: không, sinh ngày 03/3/1989; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Xóm La Dây, xã Hoàng Nông, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; dân tộc: Kinh; văn hóa: 6/12; nghề nghiệp: Không; con ông Ngô Quang Thúc (đã chết) và bà Lê Thị Diễm; có vợ là Trịnh Thị Bình, có 02 con chung; tiền

án: Bản án số 08/2017/HSPT ngày 12/01/2017 Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xử phạt 18 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; tiền sự: Không; Hiện bị cáo đang thi hành án tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên. Có mặt tại phiên tòa

4. Họ và tên: Vũ Thành L, tên gọi khác không; sinh ngày 11/ 8/1988; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Tổ 26, phường PDP, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên; dân tộc: Kinh; văn hóa: 10/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Vũ Viết D (đã chết) và bà Trương Thị O; bị cáo đã từng sống chung như vợ chồng với chị Nông Thị H nhưng không đăng ký kết hôn; có 01 con; tiền án:

+ Tại bản án số 69 ngày 15/08/2012 TAND huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 36 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

+ Tại bản án số 388 ngày 28/09/2012 TAND thành phố TN xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hình phạt chung với bản án số 69 ngày 15/08/2012 của TAND huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên buộc bị cáo L phải thi hành hình phạt chung là 51 tháng tù. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 11/8/2016.

Tiền sự: Không; nhân thân:

+ Tại bản án số 28 ngày 16/03/2006 TAND tỉnh Thái Nguyên xử phạt 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 tháng, về tội “Cướp tài sản”.

+ Tại bản án số 195 ngày 14/09/2006 TAND thành phố TN xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; tổng hợp 24 tháng tù cho hưởng án treo tại bản án số 28 ngày 16/03/2006 của TAND tỉnh Thái Nguyên thành tù giam.

+ Tại quyết định số 7857 ngày 06/07/2011 của Ủy ban nhân dân thành phố TN quyết định đưa Vũ Thành L vào chữa bệnh, lao động, học tập tại Trung tâm Chữa bệnh – Giáo dục – Lao động xã hội thành phố TN, thời hạn 24 tháng; hiện bị cáo đang tại ngoại tại địa phương (trước đó không bị tạm giữ, tạm giam) Có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Chị Vũ Thị V, sinh năm 1982 (có mặt)

Trú tại: Tổ 5, phường TL, thành phố TN, tỉnh Thái nguyên.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: chị Trần Thị S, sinh năm: 1965

Trú tại: xóm LD, xã HN, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên (vắng)

NHẬN THẤY:

Các bị cáo Vũ Duy N, Lưu Văn H, Ngô Quang Đ, Vũ Thành L bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 20 tháng 3 năm 2017 Vũ Duy N, Lưu Văn H là đối tượng nghiện ma túy gặp nhau ở bến xe khách cũ thuộc phường Quang Trung, thành phố TN. Do không có tiền mua ma túy sử dụng nên N rủ H đi lên phường Tân Long với mục đích xem ai có tài sản sơ hở thì trộm cắp, H đồng ý. Khi N, H đi đến một công trường ép cọc bê tông thuộc tổ 12, phường Tân Long, thành phố TN thì phát hiện một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave anpha BKS: 20M8 – 5565, đang dựng ở vỉa hè, chìa khóa xe vẫn đang cắm ở ổ khóa điện (sau xác định là xe của chị Vũ Thị

V, sinh năm: 1982, trú quán: Tổ 05, phường Tân Long, thành phố TN, đang bán hàng ở gần đó). H đứng lại bên này đường để làm nhiệm vụ cảnh giới cho N, còn N đi đến chỗ để xe, ngồi lên yên xe giả vờ soi gương mục đích xem có ai để ý không. Khoảng 05 phút sau, N thấy chị V vẫn đang bán hàng không để ý, N quay đầu xe và nổ máy. Khi N đang nổ máy thì bị quần chúng nhân dân phát hiện nên N tăng ga xe tẩu thoát. Còn H bị quần chúng nhân dân giữ lại giao cho Công an phường Tân Long, thành phố TN giải quyết. Sau khi trộm cắp được chiếc xe trên, N điều khiển chiếc xe đến khu vực đường Minh Cầu, thành phố TN, gặp một nam thanh niên không quen biết (sau xác định được là Vũ Thành L). N cầm cho L chiếc xe mô tô vừa trộm cắp được lấy 500.000 đồng, sau đó, L, N về nhà L ở số nhà 204, tổ 26, phường Phan Đình Phùng, thành phố TN. Tại nhà L, L có hỏi N về nguồn gốc chiếc xe thì N trả lời đó là xe do N trộm cắp được trên phường Tân Long, thành phố TN. L biết rõ chiếc xe mô tô trên là tài sản do N đã trộm cắp mà có nhưng vì không có phương tiện đi lại, ham rẻ nên L đồng ý cho N cầm xe (hai bên chỉ thỏa thuận miệng, không làm giấy tờ). Đến sáng ngày 21/3/2017, N nói với Ngô Quang Đ là bạn quen biết từ trước về việc ngày 20/3/2017, N cùng H trộm cắp được một xe mô tô Honda Wave anpha màu sơn đen, BKS: 20M8 – 5565 ở khu vực phường Tân Long, thành phố TN hiện đang cầm cho L với giá 500.000 đồng. N bảo Đ nếu Đ có tiền thì “nhỏ” để sử dụng, nếu ngày hôm nay không nhỏ xe là mất. Đ đồng ý và cùng N đến nhà L chuộc lại xe mô tô. Đ nhìn thấy xe không có biển kiểm soát nên hỏi L thì L nói đó là xe trộm cắp, L sợ chủ xe phát hiện nên đã tháo biển cất vào cốp xe. Đ quay sang hỏi N về nguồn gốc chiếc xe thì N cho biết xe mô tô trên là do N trộm cắp được. Đ chuộc lại chiếc xe mô tô với giá 700.000 đồng và xin lại số tiền 20.000 đồng L đồng ý. Đ biết rõ chiếc xe mô tô trên do N phạm tội mà có nhưng vẫn đồng ý chuộc xe ra để sử dụng cho cá nhân. Chiều ngày 21/3/2017, Đ điều khiển xe mô tô trên đến nhà chị Trần Thị S (sinh năm: 1965, trú quán: xóm La Dây, xã Hoàng Nông, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên) cầm xe cho chị S để vay 1.750.000 đồng. Khi nhận xe, chị S không biết đó là tài sản do phạm tội mà có. Gia đình bị cáo Đ đã hoàn trả chị S số tiền 1.750.000 đồng, chị S không có yêu cầu đề nghị gì.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 96 ngày 22/3/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố TN kết luận: 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave BKS: 20M8 – 5565 trị giá: 5.760.000 đồng (Năm triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng).

Tại cơ quan điều tra, Vũ Duy N, Lưu Văn H, Vũ Thành L, Ngô Quang Đ khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Vật chứng của vụ án gồm: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave anpha màu sơn đen, BKS: 20M8 - 5565, đã qua sử dụng. Hiện đã được thu hồi, trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là chị Vũ Thị V quản lý, sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel family màu đen đã qua sử dụng, Imel: 356613000094011; 01 áo vest nỉ màu đen đã qua sử dụng là tài sản của N do anh Chu Thế C là chủ nhà nghỉ N thuê trọ giao nộp cho Cơ quan điều tra.

Tại bản cáo trạng số 277/KSĐT-KT ngày 04/7/2017, Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN quyết định truy tố Vũ Duy N, Lưu Văn H về tội " Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự; truy tố Vũ Thành L, Ngô Quang Đ về tội

“Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo Vũ Duy N, Lưu Văn H, Vũ Thành L, Ngô Quang Đ khai nhận rõ hành vi phạm tội như lời khai tại cơ quan điều tra và bản cáo trạng mô tả.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN giữ nguyên bản cáo trạng số 277/KSĐT-KT ngày 04/7/2017, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Vũ Duy N, Lưu Văn H phạm tội " Trộm cắp tài sản"; bị cáo Vũ Thành L và Ngô Quang Đ phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”

- Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm h, p, g khoản 1 Điều 46, Điều 33 Bộ luật hình sự đối với Vũ Duy N; áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm p, g khoản 1 Điều 46, Điều 33 Bộ luật hình sự đối với Lưu Văn H; Khoản 1 Điều 250, điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự đối với Vũ Thành L và Ngô Quang Đ;

- Đề nghị xử phạt Vũ Duy N từ 9 đến 12 tháng tù; xử phạt Lưu Văn H từ 9 tháng đến 12 tháng tù; miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho các bị cáo;

- Đề nghị xử phạt Vũ Thành L từ 9 tháng đến 12 tháng tù, xử phạt Ngô Quang Đ từ 9 tháng đến 12 tháng tù, tổng hợp với 18 tháng tù tại bản án số 08 ngày 12/01/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên;

- Về Trách nhiệm dân sự : không xem xét;

- Đề nghị áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự, truy thu sung quỹ nhà nước số tiền 500.000 đồng của Vũ Duy N, 180.000 đồng của Vũ Thành L; tạm giữ chiếc điện thoại di động của Vũ Duy N để bảo đảm thi hành án, thu giữ để tiêu hủy chiếc áo vest nỉ của Vũ Duy N.

Trong phần tranh luận, bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát.

Căn cứ vào những chứng cứ tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những người tiến hành tố tụng khác.

XÉT THÁY:

Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, những người làm chứng, phù hợp với vật chứng thu được, Kết luận định giá tài sản và các chứng cứ tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định Vũ Duy N và Lưu Văn H đã lợi dụng sơ hở, mất cảnh giác, chiếm đoạt chiếc xe mô tô của chị Vũ Thị Vân trị giá 5.760.000 đồng. Hành vi của bị cáo Vũ Duy N và Lưu Văn H đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 Bộ Luật hình sự. Vũ Thành L, Ngô Quang Đ biết rõ chiếc xe mô tô do N và H trộm cắp mà có nhưng vẫn cho cầm cố, sử dụng và đem đi cầm cố cho người khác để lấy tiền. Hành vi của L và Đ đủ yếu tố cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự. Bản cáo trạng số 277/KSĐT-KT ngày 04/7/2017 của VKSND thành phố TN truy tố Vũ Duy

N và Lưu Văn H về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 Bộ Luật hình sự; truy tố Vũ Thành L, Ngô Quang Đ tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự là có căn cứ.

Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh, trật tự tại địa phương.

Đối chiếu với các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân các bị cáo thấy, bị cáo Vũ Duy N, Lưu Văn H được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm p, g khoản 1 Điều 46 là thành khẩn khai báo, phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại; bị cáo Vũ Duy N được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, các bị cáo N, H không phải chịu tình tiết tăng nặng theo quy định tại Điều 48 Bộ luật hình sự; bị cáo Vũ Thành L, Ngô Quang Đ đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 là thành khẩn khai báo và phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ Luật hình sự. Bị cáo Lưu Văn H, Vũ Thành L, Ngô Quang Đ đã bị xét xử nhiều lần về tội chiếm đoạt tài sản, các bị cáo không lấy đó làm bài học, tiếp tục phạm tội, thể hiện thái độ coi thường pháp luật.

Trong vụ án này Vũ Duy N là người rủ Lưu Văn H đi trộm cắp tài sản, là người trực tiếp thực hiện việc chiếm đoạt tài sản và mang đi cầm cố cho Vũ Thành L và Ngô Quang Đ, N phải chịu trách nhiệm hình sự chính trong vụ án. Lưu Văn H là người giúp sức cho N trộm cắp tài sản. Tuy nhiên xét thấy bị cáo N có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nên giảm nhẹ một phần hình phạt cho Vũ Duy N.

Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội mà các bị cáo gây ra, áp dụng hình phạt tù với các bị cáo để cải tạo giáo dục và răn đe phòng ngừa chung. Bị cáo Ngô Quang Đ đang phải chấp hành hình phạt 18 tháng tù tại bản án số 08/2017/HSPT ngày 12/01/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt của bản án này.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo là người nghiện ma túy, Ngô Quang Đ là hộ nghèo nên miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã nhận lại tài sản không có yêu cầu đề nghị gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với số tiền Vũ Duy N cầm cố chiếc xe mô tô cho Vũ Thành L được 500.000 đồng; Vũ Thành L cho Đ chuộc xe lấy số tiền chênh lệch 180.000 đồng là tài sản do phạm tội mà có, cần áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự, Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự, truy thu để sung quỹ Nhà nước. Số tiền 1.750.000 đồng Đ cầm cố xe cho chị S mà có, người nhà Đ đã trả cho chị S, nên không truy thu sung quỹ nhà nước đối với số tiền này.

Đối với chiếc điện thoại di động của Vũ Duy N, không liên quan đến hành vi phạm tội, cần tạm giữ chiếc điện thoại để đảm bảo thi hành án, chiếc áo vest nỉ bị cáo không yêu cầu nhận lại, nên thu giữ để tiêu hủy.

Các bị cáo phải chịu án phí và được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Vũ Duy N, Lưu Văn H phạm tội "Trộm cắp tài sản"; bị cáo Vũ Thành L, Ngô Quang Đ phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm h, p, g khoản 1 Điều 46, Điều 33 Bộ luật hình sự;

- Xử phạt Vũ Duy N 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam bị cáo 22/3/2017.

Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm p, g khoản 1 Điều 46, Điều 33 Bộ luật hình sự;

- Xử phạt Lưu Văn H 9 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam bị cáo 22/3/2017.

Áp dụng khoản 1 Điều 250, điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 Điều 33 Bộ luật hình sự;

- Xử phạt Vũ Thành L 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ chấp hành bản án.

Áp dụng khoản 1 Điều 250, điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự;

- Xử phạt Ngô Quang Đ 12 (mười hai) tháng tù; Áp dụng Điều 51 Bộ luật hình sự tổng hợp với hình phạt 18 tháng tù tại bản án số 08/2017/HSPT ngày 12/01/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 30 (ba mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 24/3/2017 (ngày bị cáo chấp hành bản án số 18/2017/HSPT của TAND tỉnh Thái Nguyên) được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 14/7/2016 đến ngày 23/7/2016.

- Áp dụng Điều 228 Bộ luật tố tụng hình sự: Quyết định tạm giam bị cáo Vũ Duy N 45 ngày, bị cáo Lưu Văn H 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

Về hình phạt bổ sung: miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: không xem xét.

Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự: truy thu của bị cáo Vũ Duy N 500.000 đồng, bị cáo Vũ Thành L 180.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự, Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự: Tạm giữ 01 điện thoại di động Masstel family đã qua sử dụng của Vũ Duy N để đảm bảo thi hành án; thu giữ để tiêu hủy 01 áo vest nỉ màu đen đã qua sử dụng. (tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng giữa công an thành phố TN và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên ngày 26/6/2017)

**Về án phí:* Áp dụng Điều 99 BLTTHS, Nghị quyết 326 của UBTVQH 14 về án phí, lệ phí Tòa án; buộc Vũ Duy N, Lưu Văn H, Vũ Thành L, Ngô Quang Đ mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng Đ bản án, hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận: - VKSND TP. Thái Nguyên; - Công an TP. Thái Nguyên; - TAND tỉnh Thái Nguyên; - THADS TP. Thái Nguyên; - THA phạt tù; - Bị cáo; - Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên; - Lưu hồ sơ.	TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa Hoàng Quý Sửu
---	--